



Số: 91 /2026/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1177/TTr-SXD ngày 30 tháng 9 năm 2026; số 1220/TTr-SXD ngày 14 tháng 10 năm 2026.

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2026 và thay thế các Quyết định sau đây:

1. Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (trước sắp xếp) ban hành quy định quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (trước sắp xếp) ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

3. Quyết định số 26/2019/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông (trước sắp xếp) ban hành quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.../

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Xây dựng (Vụ Pháp chế);
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trung tâm thông tin và Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Hải



QUY ĐỊNH

Quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 91 /2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Hệ thống thoát nước của tỉnh Lâm Đồng

Hệ thống thoát nước của tỉnh Lâm Đồng gồm mạng lưới thoát nước (đường ống, cống, kênh, mương, hồ điều hòa...), các trạm bơm thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải và các công trình phụ trợ khác nhằm mục đích thu gom, chuyển tải, tiêu thoát nước mưa, nước thải, chống ngập úng và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước bao gồm hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải theo quy định tại khoản 11 và khoản 12 Điều 2 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 3. Chủ sở hữu công trình thoát nước và xử lý nước thải

1. Ủy ban nhân dân tỉnh: Là chủ sở hữu đối với công trình thoát nước và xử lý nước thải gồm: công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; công trình nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn trên địa bàn đô thị có tính chất liên xã, phường. Căn cứ điều kiện cụ thể của từng hệ thống và quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao cho Sở Xây dựng, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã làm đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn đô thị có tính chất liên xã, phường do Ủy ban nhân dân tỉnh làm chủ sở hữu.

2. Phân cấp Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã): Là chủ sở hữu hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; nhận bàn giao lại từ các

tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới và các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh khai thác công trình hệ thống thoát nước có thời hạn trong phạm vi địa giới hành chính của xã, phường và đặc khu quản lý (trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung: Là chủ sở hữu hệ thống thoát nước thuộc khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao.

4. Các tổ chức, cá nhân: Là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư hoặc đến khi bàn giao cho chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 4. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị thoát nước xây dựng hoặc chọn tiêu chuẩn dịch vụ phù hợp để quản lý hệ thống thoát nước.

2. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý, vận hành được quy định tại Điều 7 Quy định này.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 5. Nguyên tắc đầu tư phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Các dự án, công trình thoát nước phải được thẩm định, phê duyệt trên cơ sở quy hoạch xây dựng, kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các đồ án quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật như giao thông, thủy lợi, cấp nước, cấp điện, chiếu sáng, thông tin liên lạc, công trình ngầm, cây xanh cần bảo đảm sự đồng bộ với hệ thống thoát nước trong khu vực.

3. Khi thực hiện cải tạo, mở rộng hoặc xây mới các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là công trình giao thông liên quan đến hệ thống thoát nước, chủ đầu tư phải xây dựng phương án bảo đảm an toàn cho hạ tầng kỹ thuật hiện hữu, bảo đảm quá trình thoát nước thông suốt, đồng thời thực hiện việc cải tạo, phục hồi hoặc xây dựng đồng bộ các hạng mục công trình thoát nước liên quan. Chủ đầu tư phải bảo đảm quy định bảo vệ môi trường trước, trong và sau khi thi công, vệ sinh và thông hút cống trước khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

Điều 6. Đầu tư, xây dựng hệ thống thoát nước

1. Thực hiện theo quy định từ Điều 11 đến Điều 16 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và khoản 2, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

2. Phù hợp với kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Hệ thống thoát nước trước khi đưa vào quản lý, vận hành và khai thác phải được nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

4. Các dự án thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung do các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng được hỗ trợ theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 7. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Nội dung cơ bản, thời hạn hợp đồng và các nội dung liên quan đến hợp đồng quản lý, vận hành thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 8. Hợp đồng dịch vụ thoát nước

Hợp đồng dịch vụ thoát nước được thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP. Mẫu hợp đồng thực hiện theo Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 9. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và bể tự hoại

Bùn thải từ hệ thống thoát nước và bùn thải từ bể tự hoại được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn và các quy định tại khoản 2 Điều 87 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Điều 25 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP; Điều 2, Điều 3 của Thông tư số 04/2015/TT-BXD.

Điều 10. Xử lý nước thải phi tập trung

1. Tại các khu vực không có khả năng hoặc chưa thể kết nối với hệ thống thoát nước tập trung, nước thải phải được thu gom, xử lý bằng giải pháp xử lý nước thải phi tập trung phù hợp theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD và pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Việc lựa chọn giải pháp, công nghệ xử lý nước thải phi tập trung thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP, Điều 1 Thông tư số 04/2015/TT-BXD, quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn về quản lý, khai thác, sử dụng cũng như cung cấp các thông tin liên quan đến cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ sở hữu công trình thoát nước:

a) Có nghĩa vụ tập hợp, sắp xếp, xây dựng và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước (bao gồm số hóa bản đồ hệ thống), bảo đảm khả năng truy cập, quản lý, khai thác, cung cấp thông tin phục vụ công tác quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển, quản lý vận hành hệ thống và thỏa thuận đầu nối thoát nước;

b) Cung cấp miễn phí thông tin về cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước thuộc quyền sở hữu cho các hộ thoát nước, chủ đầu tư khi có yêu cầu;

c) Thường xuyên rà soát, cập nhật cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước mới sau khi hoàn thành và báo cáo cho Sở Xây dựng để tổng hợp.

3. Chủ đầu tư các công trình xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ hoàn thành công trình; tài liệu hướng dẫn sử dụng, vận hành; quy trình bảo trì công trình ngay sau khi công trình/hạng mục được nghiệm thu, đưa vào sử dụng cho chủ sở hữu công trình thoát nước làm căn cứ quản lý.

Chương IV

QUY ĐỊNH ĐẦU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 12. Các yêu cầu về đầu nối hệ thống thoát nước

1. Việc đầu nối hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định tại Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư số 15/2021/TT-BXD hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

2. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải có trách nhiệm đầu tư đường ống thoát nước trong phạm vi khuôn viên của mình và thực hiện đầu nối theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP trừ những trường hợp được miễn trừ đầu nối theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy định này.

3. Khi hệ thống thoát nước của khu công nghiệp hoặc khu dân cư nông thôn tập trung được đầu nối vào hệ thống thoát nước đô thị, các đối tượng này được xem là một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và tuân thủ các quy định liên quan đến đầu nối hệ thống thoát nước.

4. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước sau khi có thỏa thuận đầu nối với đơn vị quản lý thoát nước.

5. Thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đầu nối và việc thi công đầu nối do đơn vị quản lý thoát nước thực hiện hoặc do hộ thoát nước tổ chức dưới sự giám sát

của đơn vị quản lý thoát nước, bảo đảm tuân thủ đúng quy định thiết kế; việc nghiệm thu thi công đấu nối phải được lập thành biên bản sau khi hoàn thành.

Điều 13. Điểm đấu nối, cao độ của điểm đấu nối

1. Điểm đấu nối

- a) Mỗi hộ thoát nước được bố trí ít nhất 01 điểm đấu nối;
- b) Việc đấu nối hệ thống thoát nước phải đảm bảo kiên cố, ổn định, chống thấm, chống rò rỉ ra ngoài môi trường theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật;
- c) Ống đấu nối thoát nước được đấu nối phù hợp với cấu tạo, kích thước, chất lượng đảm bảo theo quy định.

2. Cao độ điểm đấu nối phải được thiết kế phù hợp với cao độ sân, nền hoàn thiện của công trình, dự án hoặc nhà ở của các hộ thoát nước để đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào khu vực này. Các hộ thoát nước chịu trách nhiệm tự chi trả kinh phí thực hiện những biện pháp bảo vệ cần thiết nhằm ngăn chặn hiện tượng chảy ngược từ hệ thống thoát nước chung vào công trình, dự án hoặc nhà ở của mình.

Điều 14. Hộp đấu nối và nghĩa vụ tài chính thực hiện đấu nối

1. Hộp đấu nối được xây dựng từ nguồn vốn của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và tiến hành đồng thời với các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng hoặc xây mới hệ thống thoát nước. Việc thi công và lắp đặt hộp đấu nối phải bảo đảm chất lượng, ổn định lâu dài, thuận lợi cho hoạt động đấu nối, giao thông, kiểm tra, giám sát, duy trì, xử lý sự cố; sửa chữa rò rỉ nước thải của đơn vị thoát nước.

2. Hộ thoát nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng, lắp đặt đường ống và tuyến cống dẫn nước từ khuôn viên đất của mình vào hộp đấu nối. Các hộ thoát nước lân cận có thể cùng đấu nối vào một hộp đấu nối nếu đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật và được đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước chấp thuận.

3. Đơn vị thoát nước thực hiện hoặc giám sát việc thi công đấu nối tại hộp đấu nối, kinh phí do hộ thoát nước chi trả.

4. Kinh phí đấu nối, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy đấu nối thực hiện theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Điều 15. Thỏa thuận đấu nối và miễn trừ đấu nối

1. Thỏa thuận đấu nối là văn bản thỏa thuận giữa đơn vị thoát nước và hộ thoát nước gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước, gồm:

- a) Các hộ thoát nước có các công trình xử lý nước thải phi tập trung, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận mà việc đấu nối vào hệ thống thoát nước có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước và chủ sở hữu hệ thống thoát nước;

b) Tại địa bàn chưa được đầu tư xây dựng hộp đấu nối, mạng lưới đường cống thoát nước.

3. Thỏa thuận đấu nối và miễn trừ đấu nối đối với hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp tuân thủ theo quy định tại Điều 48, Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

Điều 16. Thời điểm đấu nối

1. Tại các khu vực triển khai dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung, các hộ thoát nước nằm trong phạm vi cung cấp dịch vụ có trách nhiệm đề xuất thỏa thuận đấu nối trong thời hạn không quá 24 tháng kể từ ngày mạng lưới đường ống thu gom nước thải được đưa vào vận hành.

2. Đơn vị thoát nước chịu trách nhiệm thiết lập các điểm đấu nối cho các hộ thoát nước vào mạng lưới thu gom của hệ thống sau khi hoàn tất thủ tục thỏa thuận đấu nối.

3. Khi triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mới hoặc mở rộng phạm vi bao phủ dịch vụ đối với hệ thống hiện hữu:

a) Chủ sở hữu công trình thoát nước ban hành quyết định về việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống tập trung thuộc phạm vi dự án;

b) Quyết định về đấu nối phải bao gồm quyền, nghĩa vụ các bên liên quan; xác định khu vực dịch vụ đấu nối và quy định rõ thời hạn thực hiện đấu nối;

c) Nội dung quyết định về đấu nối được thông báo công khai đến cộng đồng dân cư trong phạm vi dự án.

4. Trước thời điểm bắt buộc đấu nối nếu hộ thoát nước có nhu cầu đấu nối thì liên hệ với đơn vị thoát nước để thực hiện đấu nối.

Điều 17. Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải

1. Điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải vào hệ thống thoát nước thực hiện theo quy định tại Điều 86, Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và Giấy phép môi trường đã được cấp.

2. Việc quản lý, sử dụng nước thải sau xử lý thực hiện theo quy định tại Điều 57, Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Chất lượng nước thải xả vào điểm đấu nối thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường, hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 18. Xác định khối lượng nước thải

1. Đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp các hệ thoát nước sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải được tính theo điểm a khoản 1 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP;

b) Trường hợp các hệ thoát nước không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung thì khối lượng nước thải được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải. Trường hợp không lắp đặt đồng hồ, đơn vị thoát nước và hệ thoát nước căn cứ hợp đồng dịch vụ thoát nước được quy định tại Điều 8 Quy định này để thống nhất về khối lượng nước thải cho phù hợp.

2. Đối với các loại nước thải khác, thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

Chương V

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 19. Sở Xây dựng

1. Là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước của tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

4. Hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí dịch vụ thoát nước; tổ chức thẩm định các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải lập phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

6. Hướng dẫn các cơ quan quản lý chuyên môn về xây dựng khi thẩm định hoặc cấp phép xây dựng công trình bảo đảm tuân thủ quy định về cao độ xây dựng, yêu cầu đầu nổi thoát nước trên cơ sở căn cứ vào các đồ án quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý kiến trúc hiện hành.

7. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

8. Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất cho Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn.

Điều 20. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đối với hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15.

2. Thực hiện công tác kiểm soát nguồn ô nhiễm, kiểm tra, giám sát chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quan trắc, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý của các hệ thống thoát nước tập trung trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; giám sát chất lượng nước của nguồn tiếp nhận.

4. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp quản lý bùn thải từ hoạt động thoát nước và xử lý nước thải bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

5. Quản lý việc xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan trong việc quản lý, bảo vệ và chống ô nhiễm nguồn nước dùng cho sinh hoạt.

6. Phối hợp quản lý, khai thác có hiệu quả, đồng bộ các công trình thủy lợi; rà soát, kiểm tra việc đảm bảo an toàn và bảo vệ các công trình thủy lợi; kiểm tra theo đúng giấy phép xả thải được cơ quan có thẩm quyền cấp.

7. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan chức năng tổ chức kiểm tra (định kỳ hoặc đột xuất) và xử lý hoặc đề xuất xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường trong hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 21. Sở Tài chính

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí hàng năm cho công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước (sau khi đã sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không đảm bảo đủ kinh phí).

2. Chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án thoát nước và xử lý nước thải sử dụng vốn đầu tư công.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn từ ngân sách nhà nước (Vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác cho công tác đầu tư xây dựng, quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn hợp pháp khác đã được phê duyệt.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh việc giao cơ quan phụ trách chủ sở hữu đối với hệ thống thoát nước được đầu tư xây dựng trên địa bàn hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên, trong khu công nghiệp từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

5. Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp đặt hàng và đề xuất danh mục các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp tỉnh, cấp Nhà nước phục vụ hiệu quả các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, triển khai trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp với các sở, ngành tỉnh tổ chức thẩm định hoặc có ý kiến công nghệ các dự án đầu tư về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Phối hợp với Sở Xây dựng và các chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 23. Ban Quản lý các khu công nghiệp

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý thoát nước và xử lý nước thải theo nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về thoát nước, xử lý nước thải và chất lượng vệ sinh môi trường trong hoạt động về thoát nước và xử lý nước thải thuộc địa bàn quản lý.

2. Phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước, báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trong phạm vi quản lý.

3. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong phạm vi quản lý.

4. Khi thẩm định hoặc cấp phép xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ quy định về cao độ xây dựng, yêu cầu đầu nổi thoát nước trên cơ sở căn cứ vào các đồ án quy hoạch được duyệt và các quy định về bảo vệ môi trường.

Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành khác

Các sở, ban, ngành khác có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

Điều 25. Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức quản lý, khai thác, bảo vệ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc phạm vi được giao quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn.

3. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

4. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn; thiết lập cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước do mình làm đại diện chủ sở hữu.

5. Khi thẩm định hoặc cấp phép xây dựng công trình đảm bảo tuân thủ quy định về cao độ xây dựng, yêu cầu đầu nổi thoát nước trên cơ sở căn cứ vào các đồ án quy hoạch được duyệt và quy chế quản lý kiến trúc hiện hành.

6. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình trên địa bàn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải.

7. Thường xuyên kiểm tra, xử lý kịp thời khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải theo quy định pháp luật.

8. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động nhân dân trên địa bàn thực hiện đầu nổi thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước, xử lý nước thải, bảo vệ công trình thoát nước.

Điều 26. Trách nhiệm của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Quản lý tài sản hệ thống thoát nước (gồm thu thập thông tin, số liệu và xây dựng, số hóa cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước do mình quản lý) và xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thoát nước trong ngắn hạn và dài hạn.

2. Tổ chức lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước trên địa bàn do mình quản lý, ký kết hợp đồng và chấm dứt hợp đồng quản lý, vận hành với đơn vị thoát nước.

3. Tổ chức xây dựng quy chế phối hợp, giám sát, nghiệm thu và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho đơn vị thoát nước theo hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước.

4. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước hoàn chỉnh bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải đến hộp đầu nổi hộ thoát nước.

5. Ban hành, đề xuất, kiến nghị các giải pháp, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy đầu nổi vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình quản lý.

6. Phối hợp với đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước tổ chức các chương trình thông tin - giáo dục - truyền thông về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước trên địa bàn.

7. Cung cấp thông tin về cao độ nền khu vực thoát nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước đồng bộ, không ngập úng.

8. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi hệ thống thoát nước do mình quản lý. Báo cáo về Sở

Xây dựng kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, vận hành hệ thống thoát nước định kỳ hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

Điều 27. Trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm được quy định tại khoản 2 Điều 6 và Điều 18 của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP và khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2021/TT-BXD.

2. Thực hiện trách nhiệm quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nổi, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; Kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; thực hiện quan trắc chất lượng nước trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường;

b) Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa theo đúng quy định. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền nếu có các vi phạm, hạn chế;

c) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định;

d) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực;

đ) Xây dựng quy trình vận hành, bảo trì, bảo vệ hồ điều hòa, trạm bơm, hệ thống thoát nước mưa và tái sử dụng nước mưa;

e) Vận hành các công trình thoát nước qua hệ thống công trình thủy lợi, đê điều (cống qua đê, đường ống, trạm bơm) phải tuân theo quy định pháp luật về thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai;

g) Thiết lập kênh tiếp nhận và xử lý nhanh các phản ánh về sự cố liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;

h) Thực hiện bảo vệ, kiểm tra và phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các trường hợp vi phạm về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

Điều 28. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước: Thực hiện theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP.

2. Hộ thoát nước có các trách nhiệm sau:

a) Tổ chức đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đầu nổi và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

b) Thông báo thời điểm thi công đầu nổi để đơn vị thoát nước kiểm tra, hướng dẫn và giám sát việc xây dựng bảo đảm đầu nổi đúng quy định;

c) Tích cực tham gia và hưởng ứng chương trình tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc đầu nổi nước thải vào hệ thống thoát nước.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.